|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC**  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn: Công nghệ – Lớp 7**  **Thời gian: 45 phút** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **TN** | **TL** |
| **1** | I. Chăn nuôi | 1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  | 3,0 | **1,0** |
| 1.2. Các loại vật nuôi ở Việt Nam | 2 | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 2,0 | **0,67** |
| 1.3. Phương thức chăn nuôi | 2 | 2 | 1 | 2 |  |  |  |  | 3 |  | 4,0 | **1,0** |
| 1.4. Ngành nghề trong chăn nuôi | 2 | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 2,0 | **0,67** |
| 1.5. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi |  |  |  |  | 1 | 10 |  |  |  | 1 | 10 | **2,0** |
| **2** | **II.** Nuôi dưỡng,  chăm sóc và phòng, trị bệnh  cho vật nuôi | 2.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi | 1 | 1 | 1 | 12 |  |  | 1 | 5 | 1 | 2 | 18 | **3,33** |
| 2.2. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi | 2 | 2 | 2 | 4 |  |  |  |  | 4 |  | 6,0 | **1,33** |
| **Tổng** | | | **12** | **12** | **4** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **15** | **3** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **50** | **50** | **100** |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC**  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN** | **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn: Công nghệ – Lớp 7**  **Thời gian: 45 phút** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **I. Mở**  **đầu về chăn nuôi** | ***1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế. * Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt nam. | 3 |  |  |  |
| ***1.2. Các loại vật nuôi đặc trưng phổ biến ở nước ta*** | **Nhận biết:**   * Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta (gia súc, gia cầm…). | 2 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Hiểu được đặc trưng của giống gà để chọn lọc được giống mới. |  |  |  |  |
| ***1.3. Phương thức chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta. | 2 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. |  | 1 |  |  |
| **Vận dụng cao:**   * Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở địa phương. |  |  |  |  |
| ***1.4. Ngành nghề trong chăn nuôi*** | **Nhận biết:**   * Phân biệt được một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. | 2 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **2** | **II. Nuôi dưỡng,**  **chăm sóc và phòng, trịbệnh**  **cho vật nuôi** | ***2.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Trình bày được các công việc cơ bản nuôi dưỡng và chăm sóc từng loại vật nuôi, vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản. |  | **1** |  |  |
| **Vận dụng:**   * Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương. |  |  |  | 1 |
| ***2.2.Phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** | **Nhận biết:**   * Nêu được các nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi. | 2 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi. * Trình bày được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến. |  | 1 |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được những việc nên làm và không nên làm đề bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  | 1 |  |  |
| **Vận dụng:**   * Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình và địa phương. |  |  | **1** |  |
| **Tổng** | | |  | **12** | **4** | **1** | **1** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC**  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN**    ĐỀ CHÍNH THỨC  *(Đề gồm có ….. trang)* | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn: Công nghệ – Lớp 7**  **Thời gian: 45 phút**  *(Không kể thời gian giao đề)* |

**I. TRẮC NGHIỆM(5 điểm):*Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng***

**Câu 1. Vai trò của chăn nuôi là:**

1. cung cấp thực phẩm, phân bón, nguyên liệu xuất khẩu.
2. cung cấp thực phẩm, nguyên liệu cho chế biến, chăn nuôi.
3. cung cấp thực phẩm, phân bón, nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu.
4. cung cấp thực phẩm, nguyên liệu cho sản chế và xuất khẩu.

**Câu 2. Chăn nuôi có triển vọng:**

1. hướng tới phát triển chăn nuôi công nghệ cao.
2. hướng tới phát triển chăn nuôi bền vững.
3. hướng tới phát triển chăn nuôi giá trị cao.
4. hướng tới phát triển chăn nuôi công nghệ cao, chăn nuôi bền vững.

**Câu 3**. **Vật nuôi nào sau đây thuộc nhóm gia súc?**

1. Gà **B.** Lợn (Heo) **C.** Vịt **D.** Ngỗng.

**Câu 4. Gà Đông Tảo có xuất xứ ở địa phương nào sau đây?**

**A.** Văn Lâm – Hưng Yên **B.** Khoái Châu – Hưng yên

**C.** Tiễn Lữ - Hưng Yên **D.** Văn Giang – Hưng yên

**Câu 5**. **Ngành chăn nuôi ở Việt nam hiện nay có mấy phương thức phổ biến?**

**A**.4 **B**.3 **C**.2 **D**. 1

**Câu 6. Đâu là đặc điểm của chăn nuôi nông hộ?**

**A.** Chăn nuôi tại khu vực riêng biệt, xa nhà ở, số lượng vật nuôi nhiều

**B.** Chăn nuôi tại khu vực riêng biệt, xa nhà ở, số lượng vật nuôi ít

**C.** Chăn nuôi tại hộ gia đình với số lượng vật nuôi lớn.

**D.** Chăn nuôi tại hộ gia đình với số lượng vật nuôi ít

**Câu 7**. **Nhiệm vụ của nghề kỹ sư chăn nuôi là:**

**A**. phòng bệnh, khám bệnh cho vật nuôi.

**B**. chọn và nhân giống cho vật nuôi, chăm sóc, thử nghiệm các loại vacine

**C**. chế biến thức ăn, chăm sóc, phòng bệnh cho vật nuôi.

**D**. phòng, khám bệnh cho vật nuôi, nghiên cứu, thử nghiệm các loại thuốc, vacine

**Câu 8. Con vật nào dưới đây thường không cung cấp sức kéo?**

**A.** Lợn.  **B.** Bò.  **C. Trâu.** **D.** Ngựa.

**Câu 9**. **Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi là:**

**A**. tăng năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi. **B**. tăng kích thước vật nuôi.

**C**. tăng chất lượng sản phẩm. **D**. giúp vật nuôi khỏe mạnh.

**Câu 10**. **Phẩm chất cần có của bác sĩ thú y là:**

**A**. yêu động vật, thích chăm sóc vật nuôi.

**B**. yêu động vật, cẩn thận, tỉ mỉ, khéo tay.

**C**. yêu động vật, thích nghiên cứu khoa học.

**D**. yêu động vật, không thích nghiên cứu khoa học và chăm sóc vật nuôi

**Câu 11.** **Khi bị bệnh, vật nuôi thường có những biểu hiện phổ biến nào sau đây?**

**A.** Nhanh nhẹn, linh hoạt. **B.** Thường xuyên đi lại.

**C.** Nhanh lớn, để nhiều. **D.** **Bỏ ăn hoặc ăn ít.**

**Câu 12. Nguyên nhân nào dưới đây có thể gây dịch, bệnh cho vật nuôi?**

**A. Chuồng trại không hợp vệ sinh.**

**B.** Không cho vật nuôi tiếp xúc với nguồn bệnh.

**C.** Tiêm phòng vaccine đầy đủ cho vật nuôi.

**D.** Cho vật nuôi ăn đầy đủ dinh dưỡng.

**Câu 13**. **Phương thức chăn nuôi trang trại ở nước ta hiện nay có những đặc điểm sau:**

**A**. chi phí đầu tư thấp, năng suất cao, nguy cơ dịch bệnh cao

**B**. chi phí đầu tư cao, năng suất cao, nguy cơ dịch bệnh cao

**C**. chi phí đầu tư thấp, năng suất cao, ít dịch bệnh.

**D**. chi phí đầu tư cao, năng suất cao, ít dịch bệnh

**Câu 14. Việc nào không phải là việc làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi**.

**A.** Chăn thả gia xúc, gia cầm tự do.

**B.** Vệ sinh thân thể thường xuyên cho vật nuôi.

**C.** Vệ sinh chuồng và dụng cụ chăn nuôi.

**D.** Vệ sinh thức ăn, nước uống cho vật nuôi.

**Câu 15. Nguyên nhân gây ra bệnh gà rù (Newcastle) ở gà do**

**A.** vi khuẩn. **B.** virus. **C.** suy dinh dưỡng. **D.** môi trường

**II. TỰ LUẬN: (5 điểm)**

**Câu 1: (2 điểm)** Em hãy kể tên các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam hiện nay? Nêu ưu, nhược điểm của các phương thức chăn nuôi trên?

**Câu 2: (2 điểm)** Em hãy chỉ ra những hoạt động chăn nuôi ở gia đình và địa phương chưa hợp lý? Đề xuất các biện pháp khắc phục bảo vệ môi trường?

**Câu 3**: **(1 điểm)** Em hãy hoàn thành bảng sau để chỉ ra lợi ích của từng công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Công việc** | **Lợi ích** |
| 1 | Nuôi vật nuôi mẹ tốt |  |
| 2 | Giữ ấm cơ thể, cho bú sữa đầu sớm |  |
| 3 | Tập cho vật nuôi non ăn sớm với các loại thức ăn có đủ chất dinh dưỡng |  |
| 4 | Cho vật nuôi non vận động và tiếp xúc với ánh sáng thường xuyên, giữ vệ sinh phòng bệnh cho vật nuôi non |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GDĐT ĐẠI LỘC**  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN** | **ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM ĐỀ KIỂM TRA**  **GIỮA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **Môn: Công nghệ – Lớp 7** |

**I. TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM) Mỗi câu đúng 0,33 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **Đáp án** | **C** | **D** | **B** | **B** | **C** | **D** | **C** | **A** | **A** | **D** | **B** | **A** | **D** | **A** | **B** |

**II. TỰ LUẬN (5 ĐIỂM)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **ĐÁP ÁN** | **BIỂU ĐIẺM** |
| **1** | Các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam hiện nay:  - Chăn nuôi nông hộ.  - Chăn nuôi trang trại  Ưu, nhược điểm của các phương thức chăn nuôi:  1. Chăn nuôi nông hộ:  - Ưu điểm: chi phí đầu tư thấp  - Nhược điểm:  + Năng suất không cao  + Xử lí chất thải không tốt, nguy cơ dịch bệnh, ảnh hưởng đến vật nuôi, con người và môi trường.  2. Chăn nuôi trang trại  - Ưu điểm:  + Năng suất cao, ít bệnh.  + ít ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe con người.  - Nhược điểm:  + Đầu tư lớn về chuồng trại, thức ăn, vệ sinh phòng bệnh. | **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ** |
| **2** | Những hoạt động chăn nuôi ở gia đình và địa phương chưa hợp lý:  Còn thả rông gia súc (chó, trâu, bò…)  Chuồng nuôi xây dựng gần nhà ở ( các trang trại chăn nuôi) …  **Các biện pháp khắc phục:**  - Nuôi nhốt các loại vật nuôi trong chuồng  - Thiết kế chuồng nuôi hợp vệ sinh ….. | **1 đ**  **1đ** |
| **3** | |  |  | | --- | --- | | Nuôi vật nuôi mẹ tốt | * Tạo nhiều sữa | | Giữ ấm cơ thể, cho bú sữa đầu sớm | * Tăng cường sức đề kháng | | Tập cho vật nuôi non ăn sớm với các loại thức ăn có đủ chất dinh dưỡng | * Bổ sung kịp thời chất dinh dưỡng để vật nuôi non phát triển tốt. | | Cho vật nuôi non vận động và tiếp xúc với ánh sáng thường xuyên, giữ vệ sinh phòng bệnh cho vật nuôi non | * Biến tiền Vitamin D thành vitamin D để tránh còi xương. | | **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ**  **0,25đ** |